TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/DS-PT
Ngày 07/5/2024
V/v *Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thế Mạnh
Bà Trần Thị Chọn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trương Văn Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 07 tháng 12năm 2023 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Hồng T, sinh năm 1969; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phạm Công D, sinh năm 1997; (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 11/4/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Hà Công N - Công ty L1, chi nhánh P thuộc Đoàn Luật sư H7 (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; (có mặt).

Địa chỉ: Tổ B, khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1975; (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố E, Đ, P, T, Ninh Thuận. (Theo giấy uỷ quyền ngày 05/5/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1971 (Vợ ông T - Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1980 (Chồng bà H - Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1943. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông Tô Hoàng V, sinh năm 1999. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông Nguyễn Dương Đ, sinh năm 1977. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

7. Ông Nguyễn Cao C1, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

8. Ông Trịnh Đăng T1, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

9. Bà Trần Thanh T2, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn Hồng T - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Hồng T - Ông Phạm Công D trình bày:

Ngày 13/8/2019 ông Lê Văn Hồng T có nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị H 01 thửa đất có diện tích 2.550m^2 tọa lạc tại khu phố G, thị trấn A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang) với giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng. Việc lập hợp đồng chuyển nhượng có bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị H) làm chứng. Nguồn gốc thửa đất là do bà H được cha mẹ ruột là ông Nguyễn Văn V1 và bà Nguyễn Thị H1 tặng cho.

Do có quen biết, cùng với việc thời gian đó bà H chưa tìm được nơi ở mới, bà H có đề cập với ông T về việc xin lưu trú lại trên thửa đất. Do đó, sau khi hoàn tất việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Tiên đồng ý cho bà H lưu trú lại, đồng thời sẽ ưu tiên cho bà H mua lại thửa đất trong thời hạn 01 năm từ ngày 13/8/2019 đến ngày 13/8/2020.

Ngày 15/9/2019, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà H đến nhà ông T mượn 50.000.000 đồng và cam kết trả trong vòng 02 tháng.

Ban đầu ông T khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị H và bên nhận chuyển nhượng ông Lê Văn Hồng T, diện tích 2.550m^2 toạ lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị H bàn giao thửa đất diện tích 2.550m^2 toạ lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang trên thực địa theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 cho ông T.

Buộc bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền 50.000.000 đồng đã vay ngày 15/9/2019 cho ông T, không yêu cầu tính lãi.

Nhưng ông T đã có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Nay ông T yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Hủy bỏ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị H và bên nhận chuyển nhượng ông Lê Văn Hồng T, diện tích đất 2.550m^2 tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Hủy bỏ yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H bàn giao thửa đất diện tích 2.550m^2 tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang trên thực địa theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 cho ông T.

Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị H và bên nhận chuyển nhượng ông Lê Văn Hồng T, diện tích 2.550m^2 tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Tại phiên toà, ông Phạm Công D thay đổi yêu cầu khởi kiện, thay đổi từ yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thành yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị H bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Lê Văn Hồng T số tiền 5.944.800.000đồng, tương đương với diện tích đất 2.550m^2 theo kết quả định giá.

Buộc bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền 50.000.000 đồng đã vay ngày 15/9/2019 cho ông T, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi có ý định vay của ông T 100.000.000 đồng thì ông T nói ký hợp đồng chuyển chuyển nhượng QSD đất cho ông T thì ông T mới cho mượn tiền, ông T nói làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ để làm tin chứ không phải chuyển nhượng đất thì tôi đồng ý. Ngày 15/7/2018 tôi đến nhà ông D1 (không biết rõ họ, thời điểm đó ông D1 làm công an ấp 7, A) nhờ ông D1 viết giấy sang nhượng đất. Nội dung là tôi chuyển nhượng cho ông T diện tích ngang 15m x dài 170m = 2.550m^2, tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang với giá 100.000.000đồng. Sau đó tôi và bạn tôi là Võ Thị Thùy T3

lại nhà ông T xem thì ông Tiên đồng ý nên tôi và ông T ký tên vào giấy, có nhờ T3 ký vào người làm chứng.

Tôi và ông T thoả thuận tiền lãi 10.000.000 đồng/tháng. Cùng ngày 15/8/2019 tôi có vay thêm của vợ ông T 50.000.000 đồng có làm biên nhận nên từ ngày 15/9/2019 tôi có đóng lãi đầy đủ cho ông T mỗi tháng là 15.000.000 đồng đến tháng 3/2020. Từ tháng 4/2020 đến tháng 11/2020 tôi chỉ đóng mỗi tháng 10.000.000 đồng. Từ tháng 12/2020 đến nay tôi không đóng lãi nữa.

Sau đó, do ông T cho xã hội đen đến nhà tôi gây áp lực nên ngày 01/7/2021, tôi mang số tiền 150.000.000 đồng đến Công an kinh tế - Công an P1 để nhờ trả cho ông T. Công an kinh tế có mời vợ chồng ông T làm việc. Sau đó Công an kinh tế trả lời tôi là ông T không đồng ý nhận số tiền này mà muốn lấy đất của tôi nên tôi mang tiền về.

Tôi phản tố yêu cầu hủy bỏ giấy viết tay sang nhượng đất ngày 12/8/2019 giữa tôi với ông Lê Văn Hồng T. Tôi xin trả lại tiền gốc đã vay của ông T là 150.000.000 đồng.

Nay ông T sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện thì tôi đồng ý với việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ vô hiệu. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại thì tôi không đồng ý vì tôi chỉ vay tiền của ông T và tôi đã đóng lãi đầy đủ, tôi không có chuyển nhượng QSDĐ cho ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Trần Ngọc C vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2022 đã khai như sau:

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị H. Lúc đầu tôi không biết việc chuyển nhượng hay vay mượn tiền giữa vợ tôi và ông T. Khoảng cuối năm 2020 thì ông T có cho khoảng 05 người thanh niên đến nhà tôi nói là ông T kêu lại lấy tiền vì bà H nợ ông T không trả tôi mới biết bà H nợ ông T 150.000.000 đồng. Khi đó trong nhà còn 10.000.000 đồng nên tôi có nói với họ là kêu ông T bớt lãi vì bà H đã đóng nhiều, khi nào mẹ vợ tôi bán đất được sẽ trả tiền cho ông T và tôi có đưa 10.000.0000 đồng cho người tên Đ1. Đ1 nói không đủ còn bắt của tôi 01 con gà đá giá 4.000.000 đồng. Sau đó vài ngày tôi tiếp tục đưa 6.000.000 đồng.

Khoảng 01 tháng sau ông T cho người lại nhà tôi nói bà H bán đất cho ông và bắt tôi phải ký vào giấy mua bán nhưng tôi không có ký. Tôi nói đất do cha mẹ vợ cho để ở không mua bán và tôi không đồng ý thì bị họ đánh. Sự việc tôi có báo công an nhưng không được giải quyết. Sau khi hỏi thì bà H cho tôi biết là vay tiền của ông T để lo cho cha vợ bệnh và lo ma chay, không phải vay tiền để mua sắm hay chi tiêu trong gia đình.

Với yêu cầu khởi kiện của ông T thì tôi không đồng ý vì bà H chỉ vay tiền chớ không có bán đất cho ông T. Tôi thống nhất với ý kiến của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ bà Lê Thị Tuyết M vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 08/3/2022 đã khai như phần trình bày của ông Lê Văn Hồng T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà: Nguyễn Thị H1, Tô Hoàng V, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Dương Đ có đơn xin vắng mặt nhưng ý kiến trình bày cùng nội dung tại đơn trình bày ý kiến ngày 04/5/2023 như sau:

Thứ nhất: Tôi không đồng ý với nội dung ông T yêu cầu Tòa án "Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 giữa bên chuyển nhượng bà nguyễn Thị H3 và bên nhận chuyển nhượng ông Lê Văn Hồng T, diện tích 2.550m^2 , tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Với lý do: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/8/2019 giữa ông T và bà H3 là hợp đồng giả cách, mang tính chất ép buộc, tận dụng khi người khác đang lâm vào tình thế khó khăn, mà bản chất chỉ là việc vay tiền giữa bà H3 và ông T. Bà H3 đã thực hiện việc trả nợ và tiền lời theo đúng thời hạn nhưng ông T không chịu nhận tiền mà cố tình muốn chiếm đoạt đất của gia đình tôi. Nay chồng, cha, ông chúng tôi là ông Nguyễn Văn V1 đã chết thì mảnh đất đó là của gia đình tôi.

Thứ hai: Tôi không đồng ý với nội dụng ông T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H bàn giao thửa đất diện tích 2.550m^2 tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang trên thực địa cho ông T vì: Hợp đồng giữa ông T và bà H mang tính chất giả cách, ép buộc, lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản khi người khác lâm vào tình thế khó khăn (Theo hợp đồng bà H chỉ vay ông T số tiền 100.000.000đồng, sau một thời gian ông T đòi chiếm đoạt cả mảnh đất diện tích 2.550m^2, có giá trị hơn 6 tỷ (Theo thẩm định của Tòa án). Hơn nữa mảnh đất trên là của ông V1 để lại, còn rất nhiều người liên quan về việc thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông V1, trong đó có chúng tôi. Sự việc của ông T và bà H chúng tôi không hề hay biết.

Nay ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả giá trị bằng tiền thì việc giải quyết vụ án không còn liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chúng tôi. Do đó, chúng tôi không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao C1, ông Trịnh Đăng T1 và bà Trần Thanh T2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Toà án không thể lấy lời khai ghi nhận ý kiến của những người này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Hà Công N trình bày: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 127, 131, 419, 463, 466, 468 BLDS, tuyên hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ký ngày 12/8/2019 giữa ông Lê Văn Hồng T với bà Nguyễn Thị H vô hiệu do lừa dối. Buộc bà H bồi thường thiệt hại cho ông T theo kết luận định giá là 5.944.800.000 đồng và buộc bà H trả lại cho ông T 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bác yêu cầu phản tố của bà H.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

[**1**]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Hồng T đối với bà Lê Thị H4.

[**2**]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị H4 đối với ông Lê Văn Hồng T.

[**3**]. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ dưới hình thức "Giấy sang nhượng đất" ngày 12/8/2019 xác lập giữa ông Lê Văn Hồng T với bà Lê Thị H4 vô hiệu do giả tạo.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Hồng T về việc buộc bà Nguyễn Thị H bồi thường thiệt hại với số tiền 5.944.800.000đồng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H trả lại cho ông Lê Văn H5 Tiên tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả, chi phí đo đạc, định giá và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 21/12/2023 nguyên đơn ông Lê Văn Hồng T kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 91/2023/DS-PT ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc theo hướng tuyên hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 2.550m^2, tại khu phố G, phường A, Tp ., tỉnh Kiên Giang giữa ông và bà Nguyễn Thị H vô hiệu do bị lừa dối.

Tại Tòa sơ thẩm, ông đề nghị buộc bà Nguyễn Thị H bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 5.944.800.000 đồng tương đương diện tích đất 2.550m^2 theo kết quả định giá thửa đất của TAND Tp. Phú Quốc. Tuy nhiên đến nay, ông nhận thấy bà H không có đủ khả năng chi trả khoản bồi thường trên nên ông đề nghị được giảm mức bồi thường xuống còn 1.000.000.000 đồng

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến là không đồng ý bồi thường theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì đây là tiền vay nợ.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của bị đơn; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo, Luật sư, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt hai lần không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy tay sang nhượng đất lập ngày 12/8/2019 thể hiện chị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T chiều ngang 15m, chiều dài 170m với giá 100.000.000 đồng, sau đó ngày 01/8/2019 anh T cho chị H thời hạn 12 tháng kể từ ngày 15/8/2019 để chuộc lại miếng đất (bút lục 09, 10). Khi ký giấy tay chuyển nhượng đất phía chị H chưa đứng tên quyền sử dụng đất và trên đất có nhiều công trình nhà ở của chị H và nhiều người khác, phía chị H cho rằng chị vay tiền của anh T và anh T kêu chị viết giấy tay sang nhượng đất và cung cấp chứng cứ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha mẹ chị là ông V1, bà H1 với ông H6 ngày 18/8/2010 (bút lục 148-150), hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ngày 08/12/2015 giữa ông V1, chị H với ông C1 diện tích đất 150m^2 giá 100.000.000 đồng (bút lục 106-108), hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 28/02/2017 giữa ông V1 với ông T1, chị T4 diện tích dất 150m^2 giá 140.000.000 đồng (bút lục 109 -111) và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/3/2018 giữa bà H1 với ông T5 (bút lục 56), trong khi giấy sang nhượng đất xác lập giữa chị H với anh T vào năm 2019 toàn bộ thửa đất diện tích 2.550m^2 chỉ với giá 100.000.000 đồng là hoàn toàn không phù hợp giá chuyển nhượng thực tế. Ngoài ra căn cứ vào lời khai của các nhân chứng cho rằng việc chị H vay tiền của anh T và ký giấy tay sang nhượng nhằm đảm bảo khoản vay (bút lục 192, 193, 195) là hoàn toàn khách quan, phù hợp với việc giá chuyển nhượng giữa anh T với chị H không đúng giá thị trường và chị H không giao đất. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giấy tay sang nhượng đất giữa anh T với chị H là giả tạo nhằm đảm bảo và che dấu giao dịch vay tiền giữa các bên là phù hợp chứng cứ trong hồ sơ. Phía anh T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh, nên không có cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh T và quan điểm tranh luận của Luật sư Công N, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là xử bác nội dung kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm, phía anh T phải chịu nộp 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lê Văn Hồng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 07 tháng 12năm 2023 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 122, 123, 124, 129, 463, 466, 500, 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 26, DIều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Hồng T đối với bà Lê Thị H4.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị H4 đối với ông Lê Văn Hồng T.

3. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ dưới hình thức "Giấy sang nhượng đất" ngày 12/8/2019 xác lập giữa ông Lê Văn Hồng T với bà Lê Thị H4 là vô hiệu do giả tạo.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Hồng T về việc buộc bà Nguyễn Thị H bồi thường thiệt hại với số tiền 5.944.800.000đồng.

5. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Văn H5 Tiên tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trường hợp chị H5 không tự nguyện thì anh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

6. Về chi phí tố tụng đo đạc và định giá: Tổng cộng 18.494.750 đồng, phía anh T phải chịu toàn bộ chi phí và anh T đã nộp xong.

7. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm 113.944.800 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp 1.550.000 đồng theo biên lai thu số 0004156 ngày 08/11/2021 (do anh D nộp thay) và 57.272.400 đồng theo biên lai thu số 0006472 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Anh T còn phải chịu nộp tiếp số tiền 55.122.400 đồng (năm mươi lăm triệu một trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Chị H5 phải chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H5 đã nộp 4.050.000 đồng theo biên lai thu số 0007388 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị H5 còn phải nộp thêm 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp theo biên

lai thu số 0004339 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Phú Quốc;
- CCTHADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L2

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Rạch Giá;
- CCTHADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Lâm S